

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẤP VÒ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2022/DS-ST

Ngày: 12-4-2022

“V/v tranh chấp về hợp đồng hội”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phan Thành Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bạch Linh.
2. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

- Thư ký phiên toà: Bà Huỳnh Thị Diễm Quỳnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2022, tại Phòng xử án Toà án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 804/2021/TLST-DS ngày 07/12/2021 về việc “Tranh chấp về hợp đồng hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2022/QĐXXST-DS ngày 24/02/2022, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Thái Kim L, sinh năm 1971; Địa chỉ: Số ấp TA, xã BTT, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp; (Có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị C, sinh năm 1972; Địa chỉ: Số ấp TA, xã BTT, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp. (Vắng mặt không có lý do)

- Người làm chứng:

1. Ông Dương Văn N, sinh năm 1966; Địa chỉ: Ấp TA, xã BTT, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp; (Đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1978; Địa chỉ: Ấp T A, xã BTT, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp; (Đề nghị xét xử vắng mặt)

3. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1966; Địa chỉ: Ấp T A, xã BTT, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp. (Đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 01/12/2021, Biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 23/02/2022 và tại phiên tòa, nguyên đơn Thái Kim L trình bày:

Vào năm 2009, bà L có tham gia dây hụi 5.000.000 đồng, hụi mùa, mỗi năm khai 02 lần (06 tháng khai 01 lần) do bà Lê Thị C làm chủ hụi. Dây hụi gồm có 16 hụi viên, bà L tham gia 02 phần, nhưng đã hốt 01 phần, trong danh sách hụi số thứ tự 13 và 14 ghi chị Tài là do chồng bà L tên Tài nên bà C ghi là chị Tài. Đến năm 2014, bà C có làm Tờ hợp đồng chơi hụi đề ngày 15/02/2014 có sự chứng kiến của chồng bà C là ông S và người làm chứng là ông Nguyễn Văn T và ông Dương Văn N - Trưởng ấp Tân An xác nhận nội dung là đúng. Theo nội dung Tờ hợp đồng chơi hụi đề ngày 15/02/2014, thì dây hụi đã có 10 hụi viên hốt hụi, còn lại 06 hụi viên chưa hốt hụi và bà C cam kết với bà L là đến 03 hụi viên hốt hụi nữa thì sẽ cho bà L hốt hụi và đến vụ lúa Đông Xuân năm 2017 thì dây hụi sẽ kết thúc. Tuy nhiên, bà L đã đóng hụi tiếp tục cho bà C được 03 lần nữa nhưng bà C vẫn không cho bà L hốt hụi và dây hụi đã ngưng cho đến nay. Mặc dù, bà L đã nhiều lần đến gặp bà C để thỏa thuận và đề nghị bà C trả dần cho bà L mỗi tháng một ít cho đến khi trả xong số tiền nợ hụi của bà L, nhưng bà C hứa hẹn nhiều lần và lẩn tránh bà L.

Nay bà L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà C có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền còn nợ hụi là 55.000.000 đồng.

Tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà L gồm có: Bản chính Danh sách hụi, Tờ hợp đồng chơi hụi đề ngày 15/02/2014 và những người làm chứng là ông Dương Văn N, bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Nguyễn Văn T.

- Đối với bị đơn Lê Thị C: Bà C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải nhưng vắng mặt không có lý do và không có người đại diện tham gia phiên họp; đồng thời, bà C cũng không có ý kiến phản bác, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và cũng không có yêu cầu phản tố trong vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tuy nhiên, việc tuân theo pháp luật tố tụng của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã không chấp hành sự triệu tập của Tòa án theo quy định của Bộ luật Tố

tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Qua tranh tụng tại phiên tòa và trên cơ sở phân tích, đánh giá chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thái Kim L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Xét thấy, bị đơn Lê Thị C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tiến hành xét xử nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Theo quy định tại khoản 1 Điều 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về xác định chứng cứ, đó là: *“Tài liệu đọc được nội dung được coi là chứng cứ nếu là bản chính hoặc bản sao có công chứng, chứng thực hợp pháp hoặc do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cung cấp, xác nhận”*. Theo đó, nguyên đơn Thái Kim L cung cấp bản chính Danh sách hội, Tờ hợp đồng chơi hội đề ngày 15/02/2014 phía dưới có xác nhận của ông Dương Văn N - Trưởng Ban nhân dân ấp Tân An thể hiện đây hội đã có 10 hội viên hót hội, còn lại 06 hội viên chưa hót hội và bà C cam kết với bà L là đến 03 hội viên hót hội nữa thì sẽ cho bà L hót hội và đến vụ lúa Đông Xuân năm 2017 thì đây hội sẽ kết thúc. Như vậy, bản chính Danh sách hội, Tờ hợp đồng chơi hội đề ngày 15/02/2014 là tài liệu đọc được nội dung được coi là chứng cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh: *“Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”*. Và khoản 4 quy định: *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”*. Theo đó, bị đơn Lê Thị C đã được Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng từ Thông báo về việc thụ lý vụ án, đến Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Hơn nữa, Tòa án đã tổng đạt Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và gửi kèm theo bản sao Danh sách hội, Tờ hợp đồng chơi hội đề ngày 15/02/2014 mà nguyên đơn giao nộp cho Tòa án, cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa. Thế nhưng, bị đơn vẫn cố tình vắng mặt không có ý kiến phản bác, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại khoản 5 Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự và

cũng không có yêu cầu phản tố trong vụ án. Điều này cho thấy, bị đơn đã từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình và không phản đối đối với yêu cầu của nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án và bị đơn đã không thực hiện nghĩa vụ chứng minh thì phải chịu hậu quả theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự được quy định tại khoản 25 Điều 70 và khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.3] Theo lời trình bày của nguyên đơn Thái Kim L và nội dung Tờ hợp đồng chơi hội đề ngày 15/02/2014, thì đây hội đã có 10 hội viên hốt hội, còn lại 06 hội viên chưa hốt hội và bà L đã đóng tổng cộng 10 lần với số tiền 43.050.000 đồng; bà C cam kết với bà L là đến 03 hội viên hốt hội nữa thì sẽ cho bà L hốt hội và đến vụ lúa Đông Xuân năm 2017 thì đây hội sẽ kết thúc. Tuy nhiên, bà L đã đóng hội tiếp tục cho bà C được 03 lần nữa tổng cộng là 11.950.000 đồng, nhưng bà C vẫn không cho bà L hốt hội và đây hội đã ngưng cho đến nay. Xét thấy, lời trình bày cũng như các tài liệu, chứng cứ mà bà L cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện phù hợp với lời trình bày của những người làm chứng ông Dương Văn N là Trưởng Ban nhân dân ấp Tân An, thành viên Tổ hòa giải ngày 02/02/2014, ông Nguyễn Văn T là người chứng kiến sự thỏa thuận của bà L với bà C vào ngày 02/02/2014 và bà Nguyễn Thị Thanh H là hội viên trong đây hội này.

[3] Từ những phân tích nêu trên cho thấy, yêu cầu khởi kiện của bà Thái Kim L yêu cầu bà Lê Thị C có nghĩa vụ trả số tiền nợ hội 55.000.000 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[4] Từ những phân tích nêu trên cho thấy, phát biểu về việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn Thái Kim L được chấp nhận toàn bộ và bị đơn không thuộc trường hợp không phải chịu hoặc miễn, giảm án phí theo quy định tại các điều 11, 12, 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do đó, bị đơn Lê Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Thái Kim L có mặt tại phiên tòa, nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn Lê Thị C vắng mặt tại phiên tòa, nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự được quy định tại các điều 271, 272 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 5 và khoản 25 Điều 70, khoản 1 và khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 95, Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 351, 357 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui, biêu, phưong;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Thái Kim L.

2. Buộc bà Lê Thị C có nghĩa vụ trả cho bà Thái Kim L số tiền nợ hui là 55.000.000 đồng (Năm mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- ### 3. Về án phí và tam ứng án phí:

- Bà Lê Thị C phải chịu 2.750.000 đồng (Hai triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho bà Thái Kim L số tiền 1.375.000 đồng (Một triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) mà bà L đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002406, ký hiệu biên lai 14BE-21, quyển số 0049, ngày 06/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Vò, tỉnh Đồng Tháp.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Thái Kim L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bà Lê Thị C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

5. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lấp Vò;
- Chi cục THADS huyện Lấp Vò;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT (Nh).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Phan Thành Nhân